CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO – VẾT THƯƠNG SỌ NÃO

1. X Quang thường quy trong vết thương sọ não:
2. Tìm dị vật
3. Góp phần chẩn đoán xác định VTSN
4. Xác định mức độ lún sọ
5. **Cả A B C đều đúng**
6. Hội chứng viêm màng não thể hiện:
7. Xứng gáy, Kerning, vạch màng não HC MÀNG NÃO
8. Là A + Hội chứng nhiễm trùng
9. Là A+B +dịch não tủy có vi khuẩn VIÊM MÀNG NÃO
10. Chỉ có hội chứng TALNS + Nhiễm khuẩn
11. Chẩn đoán vết thương sọ não dựa trên:
12. Lâm sàng
13. X quang sọ
14. **Cả A B**
15. Lâm sàng và xẹt nghiệm máu
16. Triệu chứng cảu VTSN:
17. Rối loạn tri giác
18. Liệt nửa người
19. Dãn đồng tử 1 bên
20. **Dấu hiệu như A B C tùy thuộc mức độ tổn thương**
21. Sơ cứu VTSN cần:
22. **Có thể làm sạch vết thương, khâu cầm máu, hồi sức, ổn định thì chuyển viện**
23. Vừa hồi sức vừa chuyển viện
24. Khám nhanh và hỗ trợ hô hấp, tuần hoàn
25. Cạo tóc, băng vết thương, cầm máu, SAT, KS, đường truyền tĩnh mạch, vận chuyển về chuyên khoa
26. Tụ máu ngoài màng cứng, chảy máu chủ yếu ở:
27. Xoang tĩnh mạch
28. **Động mạch màng não giữa**
29. Xương xốp
30. Xoang tĩnh mạch dọc trên
31. Nguồn máu của tụ máu ngoài màng cứng là: Trừ
32. Động mạch màng não giữa
33. Xoang tĩnh mạch
34. **Tĩnh mạch cầu**
35. Xoang tĩnh mạch bên
36. Chỉ định mổ tụ máu ngoài màng cứng: Đ/S
37. Khối máu tụ dày hơn 5mm S
38. Đè đẩy đường giữa >5mm Đ
39. G tụt 2 điẻm Đ
40. Áp lực nội sọ >20mmHg S
41. Tụ máu dưới màng cứng cấp tính là:
42. **Trước 72h**
43. Trước 36h
44. Trước 3 tuần
45. Trước 2 tuần
46. Tụ máu DMC mạn tính là tụ máu xuất hiện sau:
47. 2 tuần
48. **3 tuần**
49. 4 tuần
50. 72h
51. Triệu chứng thần kinh thực vật:
52. Mạch nhanh, HA tụt, thở nhanh
53. Mạch nhanh, HA tăng, thở chậm
54. **Mạch chậm, HA tăng, thở chậm**
55. Mạch chậm, HA tụt, rối loạn nhịp thở
56. Vết thương sọ não đến sớm là trước:
57. **6h**
58. 8h
59. 24h
60. 12h
61. Vết thương sọ não đến muộn, bị nhiễm khuẩn là sau:
62. 6h
63. 12h
64. **24h**
65. 48h
66. Trong phẫu thuật VTSN: Đ/S:
67. Cắt lọc da đầu rộng rãi S
68. Găm rộng xương tới màng não lành Đ
69. Lấy tất cả các dị vật trong nhu mô não S
70. Cắt lọc rộng rãi màng não S
71. Dẫn lưu ngoài màng cứng rút sau 48h Đ
72. Cầm máu trong phẫu thuật VTSN:
73. Cầm máu xương bằng đốt điện
74. **Cầm máu màng não bằng đốt điên**
75. Cầm máu màng não bằng mũi khâu chữ X
76. Cầm máu màng não bằng vật liệu cầm máu riêng
77. Biến chứng của VTSN là, trừ:
78. Áp xe não
79. Viêm xương sọ
80. Viêm màng não
81. **Động kinh**
82. Di chứng của VTSN, Đ/S
83. Rối loạn tâm thần Đ
84. Động kinh Đ
85. Áp xe não S
86. Viêm xương sọ S